

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09-6-2026

V/v chia tài sản sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điều

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Kim Chương

Bà Hà Hồng Mến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Phương T** –Kiểm sát viên

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc “*Chia tài sản sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị N**, sinh năm 1988

Địa chỉ: **ấp Q, xã H, tỉnh Vĩnh Long.**

(Có mặt)

-Bị đơn: Anh **Phạm Hiếu T1**, sinh năm 1988

Địa chỉ: **ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.**

(Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1. **Phạm Văn T2**, sinh năm 1965

2. **Nguyễn Thị Lệ H**, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: **ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long**

(Ông **T2**, bà **H** đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/01/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị **Đinh Thị N** trình bày:

Nguyên đơn **Đinh Thị N** và bị đơn **Phạm Hiếu T1** thuận tình ly hôn tại Quyết định số 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long (cũ Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long)

- Về con chung: Giao **Phạm Khánh B** cho chị **N** nuôi dưỡng, anh **T1** không có vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chưa xem xét giải quyết.

Nay chị **N** yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung như sau:

+ Năm 2022 được ông **Phạm Văn T2** và **Nguyễn Thị Lệ H** (cha, mẹ chồng trước đây) cho diện tích đất 500 m² thuộc tách thửa 218, tờ bản đồ số 10 do ông **T2** đứng tên quyền sử dụng đất, có làm giấy tay, chưa làm thủ tục sang tên. Trên đất chị và anh **T1** xây dựng 01 căn nhà cấp 4, trị giá căn nhà 500.000.000 đồng;

+ 01 xe mô tô biển số kiểm soát 64 G1-228.63 trị giá còn lại 20.000.000 đồng;

+ 01 xe ô tô tải trọng tải 01 tấn, biển số kiểm soát 64H-016.70 trị giá còn lại 150.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản 670.000.000 đồng.

Chị **N** yêu cầu chia đôi tài sản với anh **T1**, chị đồng ý giao anh **T1** sở hữu 01 căn nhà và tài sản dùng sinh hoạt trong nhà, 01 xe ô tô tải; chị **N** được sở hữu 01 xe mô tô. Anh **T1** có nghĩa vụ trả lại trị giá tài sản cho chị **N** 325.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 01/4/2026 chị **N** thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị thống nhất tổng trị giá tài sản 570.000.000 đồng, chị nhận trị giá tài sản 285.000.000 đồng.

Trong biên bản hòa giải ngày 01/4/2026, bị đơn anh **Phạm Hiếu T1** thống nhất tài sản chung như chị **N** trình bày, anh đồng ý chia hai tài sản, anh xin hưởng trị giá tài sản 285.000.000 đồng, anh đồng ý giao nhà, xe cho chị **N** sở hữu.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2026 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập là ông **Phạm Văn T2**, bà **Nguyễn Thị Lệ H** trình bày: Căn nhà cấp 4 của chị **N**, anh **T1** xây dựng trên phần đất của ông **T2**, bà **H**, ông bà có làm giấy tặng cho đất anh **T1** lúc xây dựng nhà để được vào điện. Nay ông **T2**, bà **H** không có ý kiến gì về phân chia tài sản giữa chị **N**, anh **T1**. Trường hợp anh **T1** nhận hiện vật căn nhà thì ông **T2**, bà **H** tự thỏa thuận quyền sử dụng đất với anh **T1**.

Tại phiên tòa:

Chị **N** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

Anh **T1**, ông **T2**, bà **H** đều vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 33, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Đinh Thị N**.

Giao cho anh **Phạm Hiếu T1** được quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 4 (gắn liền tách thửa 218 tờ bản đồ 10, tọa lạc **xã T, tỉnh Vĩnh Long**) và toàn bộ tài sản phục vụ sinh hoạt trong nhà, trị giá căn nhà 500.000.000 đồng; 01 xe ô tô tải 01 tấn biển số kiểm soát 64H-016.70 do **Phạm Hiếu T1** đứng tên chủ sở hữu xe, trị giá xe 60.000.000 đồng. Buộc anh **T1** có nghĩa vụ trả lại trị giá $\frac{1}{2}$ tài sản cho chị **N** 280.000.000 đồng.

Giao cho chị **Đinh Thị N** được sở hữu 01 xe mô tô biển số kiểm soát 64G1-228.63 do **Phạm Hiếu T1** đứng tên chủ sở hữu, trị giá xe còn lại 10.000.000 đồng. Buộc chị **N** có nghĩa vụ trả lại anh **Phạm Hiếu T1** $\frac{1}{2}$ trị giá tài sản 5.000.000 đồng.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.500.000 đồng, buộc chị **Đinh Thị N** chịu 750.000 đồng, anh **Phạm Hiếu T1** chịu 750.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị **N** phải chịu án trên phần tài sản được hưởng là 14.250.000 đồng.

Anh **T1** chịu án phí trên trị giá tài sản được hưởng là 14.250.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án: Chị **Đinh Thị N** khởi kiện anh **Phạm Hiếu T1** có địa chỉ thường trú tại **xã T, tỉnh Vĩnh Long** yêu cầu giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Chia tài sản sau khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Bị đơn anh **T1** vắng mặt không lý do, ông **T2**, bà **H** đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh **T1**, ông **T2**, bà **H** theo quy định khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn **Đinh Thị N** và bị đơn **Phạm Hiếu T1** thuận tình ly hôn tại Quyết định số 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long (cũ Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long)

- Về con chung: Giao **Phạm Khánh B** cho chị **N** nuôi dưỡng, anh **T1** không có vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chưa xem xét giải quyết.

Trong thời gian chung sống chị **N**, anh **T1** có tạo lập tài sản chung anh, chị thống nhất xác định như sau:

+ 01 căn nhà cấp 4 xây dựng năm 2022 trên tách thửa 218, tờ bản đồ số 10 do ông **T2**, bà **H** đứng tên quyền sử dụng đất, trị giá căn nhà 500.000.000 đồng;

+ 01 xe mô tô biển số kiểm soát 64 G1-228.63 trị giá còn lại 10.000.000 đồng;

+ 01 xe ô tô tải trọng tải 01 tấn, biển số kiểm soát 64H-016.70 trị giá còn lại 60.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản 570.000.000 đồng.

Xét yêu cầu của chị **N** yêu cầu chia đôi tài sản với anh **T1**, chị đồng ý giao anh **T1** sở hữu 01 căn nhà và tài sản dùng sinh hoạt trong nhà, 01 xe ô tô tải; chị **N** được sở hữu 01 xe mô tô. Anh **T1** có nghĩa vụ trả lại trị giá tài sản cho chị **N** 285.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu chị **N**.

Đối với tách thửa 218, tờ bản đồ số 10, diện tích khoảng 500 m² do ông **Phạm Văn T2** đứng tên quyền sử dụng đất, chị **N**, anh **T1** không yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.500.000 đồng, buộc chị **N** chịu 750.000 đồng, anh **T1** chịu 750.000 đồng. Số tiền này chị **N** tạm ứng khấu trừ đủ, buộc anh **T1** có nghĩa vụ hoàn trả chị **N** 750.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị **N** phải chịu án trên phần tài sản được hưởng là 14.250.000 đồng;

Anh **T1** chịu án phí trên trị giá tài sản được hưởng là 14.250.000 đồng.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 33, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Đinh Thị N**.

Giao cho anh **Phạm Hiếu T1** được quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 4 (gắn liền tách thửa 218 tờ bản đồ 10, tọa lạc **xã T, tỉnh Vĩnh Long**) và toàn bộ tài sản phục vụ sinh hoạt trong nhà, trị giá căn nhà 500.000.000 đồng; 01 xe ô tô tải 01 tấn biển số kiểm soát 64H-016.70 do **Phạm Hiếu T1** đứng tên chủ sở hữu xe, trị giá xe 60.000.000 đồng. Buộc anh **T1** có nghĩa vụ trả lại trị giá $\frac{1}{2}$ tài sản cho chị **N** 280.000.000 đồng.

Giao cho chị **Đinh Thị N** được sở hữu 01 xe mô tô biển số kiểm soát 64G1-228.63 do **Phạm Hiếu T1** đứng tên chủ sở hữu, trị giá xe còn lại 10.000.000 đồng. Buộc chị **N** có nghĩa vụ trả lại anh **Phạm Hiếu T1** $\frac{1}{2}$ trị giá tài sản 5.000.000 đồng.

Các đương sự có nghĩa vụ đăng ký chủ sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên, hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.500.000 đồng, buộc chị **Đinh Thị N** chịu 750.000 đồng, anh **Phạm Hiếu T1** chịu 750.000 đồng. Số tiền này chị **N** tạm ứng khấu trừ đủ, buộc anh **T1** có nghĩa vụ hoàn trả chị **N** 750.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị **N** phải chịu án trên phần tài sản được hưởng là 14.250.000 đồng. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 8.375.000 đồng chị **N** đã nộp theo biên lai thu số 0003464 ngày 02/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, còn lại 5.875.000 đồng buộc chị **N** nộp tiếp.

Anh **T1** chịu án phí trên trị giá tài sản được hưởng là 14.250.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 2 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Điều